**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THÀNH PHỐ NHA TRANG**
**TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18/7/2019
V/v tranh chấp: *"Ly hôn"*

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **LƯƠNG NGỌC YẾN ANH**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **NGUYỄN NGỌC NGÂN**

2. Bà **VÕ THỊ BỜI**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **NGUYỄN THỊ THU HIỀN –** Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Nha Trang*** tham gia phiên tòa: Bà **NGUYỄN THỊ NHƯ HẠNH** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 124/2019/TLST-HNGĐ ngày ngày 05 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp *"Ly hôn"*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Tân B** - Sinh năm: 1972

ĐKHKTT: 08 Phú Đ, tổ 3 Đông B, phường Vĩnh H, thành phố Nha T, tỉnh Khánh Hòa. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

* Bị đơn: Ông **Thái Hoàng M** - Sinh năm: 1970

ĐKHKTT: 08 Phú Đ, tổ 3 Đông B, phường Vĩnh H, thành phố Nha T, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tân B trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Tân B và ông Thái Hoàng M tự nguyện đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh H, thành phố Nha T, vào năm 2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm. Tuy nhiên, trong thời gian 07 năm gần đây, vợ chồng bà nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và thường xuyên kình cãi trước mặt con cái. Vì thương con còn nhỏ nên bà B đã cố gắng nhẫn nhịn, hàn gắn tình cảm với ông M nhưng không thành. Nay, bà B nhận thấy không còn tình cảm với ông M nữa nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Tân B và ông Thái Hoàng M có 02 con chung là cháu Thái Hoàng D, sinh ngày: 12/01/2002 và cháu Thái Thiên T, sinh ngày: 03/01/2008.

Bà Bình xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông Minh cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Thái Hoàng M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không có mặt tại Tòa để giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn.*

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tân B vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Thái Hoàng M vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tân B và bị đơn ông Thái Hoàng M.

**[2] Về quan hệ hôn nhân**: Bà Nguyễn Thị Tân B và ông Thái Hoàng M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh H, thành phố Nha T, tỉnh Khánh Hòa; theo Giấy chứng nhận kết hôn số 83/2003 ngày 25/11/2003. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Tân B và ông Thái Hoàng M không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn được. Hiện nay, bà B khẳng định không còn tình cảm với ông M nữa nên xin ly hôn. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn ông Thái Hoàng M lên Tòa làm việc. Nhưng tại các buổi hòa giải cũng như tại các phiên tòa, ông M không có mặt để tham gia tố tụng, cho thấy ông M không có thiện chí trong việc mong muốn hàn gắn, đoàn tụ gia đình. Như vậy, mục đích hôn nhân của bà B và ông M không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[3] Về con chung:** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tân B khai vợ chồng bà 02 con chung là cháu Thái Hoàng D, sinh ngày: 12/01/2002 và Thái Thiên T, sinh ngày: 03/01/2008. Bà B xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông M cấp dưỡng.

Xét cháu Hoàng D và Thiên T còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Trong khi đó, ông Thái Hoàng M hiện làm nghề lái xe nên không đảm bảo các điều kiện để trực tiếp chăm sóc con cái. Hơn nữa, tại các bản tự khai, các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ nên việc giao cháu Hoàng D và Thiên T cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tân B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn, là hợp lý.

**[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Tại biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tân B không yêu cầu ông Thái Hoàng M cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

**[5] Về tài sản chung, nợ chung:** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tân B khai không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

**[6] Án phí:** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tân B phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

***Căn cứ:***

- Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;
- Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:*** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tân B.

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tân B và ông Thái Hoàng Mđược ly hôn.

**2.** Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Thái Hoàng D, sinh ngày: 12/01/2002 và Thái Thiên T, sinh ngày: 03/01/2008 cho bà Nguyễn Thị Tân B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, sau khi ly hôn.

Ông Thái Hoàng M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**3.** Về cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị Tân B không yêu cầu ông Thái Hoàng M cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

**4.** Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tân B không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn khởi kiện.

**5.** Án phí: Bà Nguyễn Thị Tân B phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* mà bà B đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0010837 ngày 04/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà Nguyễn Thị Tân B đã nộp đủ án phí.

**6.** Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Tân B và ông Thái Hoàng M có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Quy định:*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**
*- VKSND Tp. Nha Trang*
*- Đương sự*
*- THADS Tp. Nha Trang*
*- TAND tỉnh Khánh Hòa*
*- UBND phường Vĩnh Hòa, Tp. Nha Trang (GCNKH số 83/2003)*
*- Lưu.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Lương Ngọc Yến Anh**